

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HC-PT

Ngày : 13/7/2021

*v/v khiếu kiện QĐ hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Th.

Các thẩm phán:

1. Bà Mai Vân A.

2. Bà Phạm Thị M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Tuyết N - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Bà Phan Thị T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Các ngày 08, 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 13/2021/TLPT-HC ngày 16/4/2021 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện SS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐPT-HC ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông N.V.Đ, sinh 1975.

Trú tại: Thôn TT, xã XT, huyện SS, TP H. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Đ.T.H, ông N.V.A - Luật sư Công ty Luật TNHH HH và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT.

Địa chỉ: xã XT, huyện SS, TP. H.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông H.V.L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện.

Ông N.H.M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 28/6/2021). (Có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông H.Q.N, chức vụ: Công chức địa chính UBND xã XT. (Có mặt).
2. Ông N.T.T, chức vụ: Công chức quản lý trật tự xây dựng UBND xã XT. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:

Ủy ban nhân dân xã XT.

Địa chỉ: xã XT, huyện SS, TP. H.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã XT: Ông H.V.L, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT là người đại diện hợp pháp của người bị kiện.

Ông N.H.M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 28/6/2021). (Có đơn xin xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND xã XT::

1. Ông H.Q.N, chức vụ: Công chức địa chính UBND xã XT. (Có mặt).
2. Ông N.T.T, chức vụ: Công chức quản lý trật tự xây dựng UBND xã XT. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông N.V.Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa đất bị áp dụng biện pháp cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả: Năm 2012, ông N.V.Đ nhận chuyển nhượng của ông H.V.H, sinh năm 1972 ở thôn X, xã XT, huyện SS, TP H thửa đất có chiều rộng 04m giáp đường 16, tổng diện tích là 161m². Khi mua bán có giấy tờ viết tay, không ghi rõ số ô, số thửa và không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi mua đất xong năm 2014 ông có dựng lán trại mái lợp tôn, khung tôn, tường vây tôn trên diện tích khoảng 61,36m². Trong quá trình sử dụng đất ông không đóng thuế sử dụng đất. Ngày 22/01/2020, ông nhận được Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Sau khi nhận được Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019, ngày 02/3/2020 ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã XT đối với Quyết định

số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT. Ngày 02/3/2020 ông nhận được Quyết định số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 10/4/2020 ông nhận được Quyết định số 113/QĐ – UBND của Chủ tịch UBND xã XT về giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/6/2020 Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thay thế Quyết định số 64. Ngày 24/7/2020 Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thay thế Quyết định số 179. Ngày 14/12/2020 Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 379/QĐ – CCKPHQ về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thay thế Quyết định số 246.

Nay, ông yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ lần đầu; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Căn cứ ông yêu cầu hủy các Quyết định trên là diện tích đất này là nhận chuyển nhượng của ông H.V.H vào năm 2012. Việc chuyển nhượng có giấy tờ viết tay. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng của ông H.V.H, diện tích đất trên đã được gia đình ông Hải tôn tạo và sử dụng từ trước năm 1990, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông chỉ tiếp tục sử dụng và dựng lán. Do vậy việc UBND xã XT xác định ông có hành vi chiếm đất trồng lúa, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (đất mặt nước chuyên dùng) do UBND xã quản lý là không có căn cứ. Đồng thời trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, ông N.V.Đ còn yêu cầu Tòa án buộc chấm dứt hành vi ban hành quyết định hành chính không đúng thẩm quyền, trái pháp luật của ông N.T.B - Phó Chủ tịch UBND xã XT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày :

- Các Quyết định của Chủ tịch UBND xã XT đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh N.V.Đ, bởi lẽ:

+ Chủ tịch UBND xã XT đã xác định sai đối tượng vi phạm hành chính theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định cụ thể về nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính là cá nhân, tổ chức “*chỉ bị xử phạt hành chính khi có vi phạm hành chính do pháp luật quy định*”. Như vậy người bị xử phạt vi phạm hành chính và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm phải là người đã thực hiện hành vi vi phạm. Tuy nhiên diện tích

đất gia đình ông N.V.Đ đang sử dụng là nhận chuyển nhượng của ông H.V.H năm 2012, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông N.V.Đ chỉ tiếp tục sử dụng chứ không có hành vi chiếm đất.

+ Các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã XT căn cứ vào Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT. Quyết định này căn cứ theo quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ – CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền ban hành Quyết định là Chủ tịch UBND các cấp, không có căn cứ để xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã hoặc thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

+ Chủ tịch UBND xã XT cho rằng ông N.V.Đ đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ – CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chiếm đất trồng lúa, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở (đất mặt nước chuyên dùng) do UBND xã quản lý.

Tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ – CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định “*Phạt tiền từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ đối với hành vi lấn, chiếm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này*” không có (đất mặt nước chuyên dùng) do UBND xã quản lý.

+ Không có căn cứ pháp lý buộc ông N.V.Đ phải chịu trách nhiệm chi trả và chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Ông P.V.H - Phó chủ tịch UBND xã XT không có thẩm quyền chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan khác để tổ chức thực hiện đối với Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Ông N.H.M - Phó chủ tịch UBND xã XT không có thẩm quyền chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan khác để tổ chức thực hiện đối với Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 379/ QĐ – CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

+ Ông N.T.B – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã XT không có thẩm quyền ký Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về xử phạt áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên hủy các Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 113/QĐ – UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ; Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 379/QĐ – CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông N.V.Đ.

Người bị kiện Chủ tịch UBND xã XT trình bày:

Nguồn gốc đất ông N.V.Đ sử dụng có một phần đất thuộc khu vực Đầm N thuộc địa phận thôn Xuân Lai, xã XT, huyện SS, TP H là khu đất đầm có mặt nước chuyên dùng thuộc thửa đất số 1680 do UBND xã XT quản lý. Ngoài ra ông N.V.Đ còn sử dụng một phần thửa đất số 1576 và 1577 là đất nông nghiệp do UBND xã quản lý, chưa giao cho ai sử dụng. Tuy nhiên đến khoảng năm 2017 ông N.V.Đ đã tự ý ra lấn chiếm và sử dụng trái phép một phần thuộc khu Đầm N do UBND xã quản lý. Khi phát hiện gia đình ông N.V.Đ sử dụng đất lấn chiếm tại khu Đầm N thì UBND xã XT đã thiết lập hồ sơ vi phạm đối với ông N.V.Đ. UBND xã có mời gia đình ông N.V.Đ lên UBND xã để làm việc và yêu cầu xuất trình các giấy tờ về nguồn gốc đất nhưng gia đình ông N.V.Đ không xuất trình được giấy tờ gì. Do ông N.V.Đ không xuất trình được giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình nên UBND xã XT đã căn cứ vào bản đồ đang lưu giữ tại UBND xã và lấy phiếu ý kiến khu dân cư xác định diện tích đất ông N.V.Đ sử dụng thuộc quỹ đất phi nông nghiệp do UBND xã quản lý và chưa giao cho ai.

Sau khi ông N.V.Đ không xuất trình được tài liệu chứng minh nguồn gốc đất thì UBND xã XT có lấy phiếu ý kiến khu dân cư ngày 07/6/2019 và Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc đất đều xác định đối tượng quản lý đất là UBND xã, loại đất là đất mặt nước chuyên dùng và đất nông nghiệp, xác định tổng diện tích đất vi phạm là 161m² thuộc một phần của thửa đất số 1680, 1576 và 1577 thuộc nhóm đất phi nông nghiệp do UBND xã quản lý chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, UBND xã XT đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông N.V.Đ ngày 08/11/2019. Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông N.V.Đ do xác định ông N.V.Đ có hành vi lấn chiếm đất từ trước năm 2017 đã quá 02 năm nên Chủ tịch UBND xã XT không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N.V.Đ mà ban hành Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày

14/11/2019 áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng ông N.V.Đ không chấp hành nên Chủ tịch UBND xã XT đã ban hành Quyết định 64/QĐ - CCKPHQ ngày 02/3/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 02/3/2020, UBND xã XT nhận được đơn khiếu nại của ông N.V.Đ về việc khiếu nại Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Chủ tịch UBND xã XT đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 113/QĐ – UBND ngày 10/4/2020 theo đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Do ông N.V.Đ không chấp hành Quyết định số 64 nên Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 179/QĐ - CCKPHQ ngày 05/6/2020 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thay thế Quyết định số 64. Do ông N.V.Đ không thực hiện Quyết định số 179 nên ngày 24/7/2020 Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 246/QĐ - CCKPHQ Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả để thay thế Quyết định 179. Ngày 14/12/2020, Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 378/QĐ – CCKPHQ của Chủ tịch UBND xã XT Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thay thế Quyết định số 246.

Về căn cứ ban hành các Quyết định: Đối với Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019, Ủy ban nhân dân xã XT xác định ông N.V.Đ có hành vi lấn chiếm đất trồng lúa và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, tuy nhiên do hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ – CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Sau khi ban hành Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019, ông N.V.Đ không chấp hành nên Chủ tịch UBND xã XT đã ra các Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020; Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ – CCKPHQ ngày 14/12/2020.

Về thẩm quyền ban hành các Quyết định trên là thuộc Chủ tịch UBND xã XT. Việc Chủ tịch UBND xã XT giao cho ông N.H.M và ông P.V.H - Phó chủ tịch UBND xã XT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khác để thực hiện cưỡng chế là theo sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch UBND xã XT là đúng thẩm quyền. Thời điểm ban hành Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do Ủy ban nhân dân xã XT đang kiện toàn chức danh Chủ tịch xã, ông N.T.B đã được Ủy ban nhân dân huyện SS giao phụ trách, điều hành mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân xã XT, nên việc ông N.T.B ký quyết định số 254/QĐ – KPHQ là đúng thẩm quyền.

Nay ông N.V.Đ yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch

UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 113/QĐ – UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ lần đầu; Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 379/QĐ – CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì ông không đồng ý vì các Quyết định trên được Chủ tịch UBND xã XT ban hành theo đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với người bị kiện UBND xã XT thống nhất với quan điểm của Chủ tịch UBND xã XT.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân huyện SS đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 254/QĐ – KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 64/QĐ – CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 113/QĐ – UBND ngày 10/4/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ lần đầu; Quyết định số 179/QĐ – CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 246/QĐ – CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc khắc phục hậu quả; Quyết định số 379/QĐ – CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2021, ông N.V.Đ có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã XT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã XT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đương sự đã thực hiện tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Người khởi kiện ông N.V.Đ làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp dự phí kháng cáo hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác yêu cầu kháng cáo của ông N.V.Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí, ông N.V.Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 28/7/2020, ông N.V.Đ làm đơn khởi kiện đối với các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã XT trong lĩnh vực quản lý đất đai. Yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ còn trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ Điều 28, Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân huyện SS thụ lý vụ và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân huyện SS xét xử sơ thẩm và tuyên án. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19/4/2021, ông N.V.Đ đã nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về xác định người tham gia tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy việc giải quyết vụ án hành chính có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của UBND xã XT. Căn cứ khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp phúc thẩm đưa UBND xã XT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã XT vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan đến nguồn gốc đất cũng như quá trình quản lý đất của UBND xã nên việc đưa thiếu người tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến bản chất vụ án nên chỉ yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vi phạm tố tụng nêu trên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã XT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã XT có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử

vắng mặt người bị kiện Chủ tịch UBND xã XT, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã XT.

[2] Xét phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm: Người khởi kiện ông N.V.Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Căn cứ Điều 220 Luật tổ tụng hành chính, phạm vi xét xử phúc thẩm là toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện SS. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với các quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện của vụ án gồm:

Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ lần đầu.

Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc khắc phục hậu quả.

Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

[3] Xét Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nhận thấy:

Về thẩm quyền: Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “Chủ tịch UBND cấp xã có quyềnb/ Phạt tiền đến 5.000.000 đồng, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả...”.

Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện SS giao cho ông N.T.B - Phó Chủ tịch UBND xã XT phụ trách, điều hành mọi hoạt động của UBND xã XT trong thời gian chờ kiện toàn chức danh Chủ tịch UBND xã XT. Quyết định số 06 nêu trên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định về số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên của UBND. Do đó, ông N.T.B - Phó Chủ tịch UBND xã XT trong thời gian được giao quyền phụ trách, điều hành UBND xã XT ban hành Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

Xét trình tự ban hành: Ngày 08/11/2019, UBND xã XT lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với ông N.V.Đ và xác định có hành vi lấn chiếm đất từ trước 2017 tính đến ngày 08/11/2019 nên hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính. Ngày 14/11/2019, Phó Chủ tịch được giao phụ trách UBND xã XT ban hành ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 254/QĐ - KPHQ ngày 14/11/2019 là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 5 Điều 10, Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai..

Về căn cứ ban hành: Xét nguồn gốc đất, theo bản đồ địa chính đất nông nghiệp năm 1993 của UBND xã XT thì phần diện tích 161m² đất ông N.V.Đ đang sử dụng là đất thuộc thửa đất số 1680, 1576, 1577 khu Đầm N thuộc quỹ đất phi nông nghiệp do UBND xã quản lý và chưa giao cho ai.

Người khởi kiện N.V.Đ xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với thửa đất này là do bố ông nhận chuyển nhượng của anh H.V.H. Tuy nhiên giấy tờ chuyển nhượng chỉ là giấy tờ viết tay, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngoài ra, ông N.V.Đ không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh quyền sử dụng diện tích đất nêu trên là hợp pháp. Theo Điều 10, Điều 163 của Luật đất đai năm 2013 đã liệt kê đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng là một trong các loại đất nằm trong nhóm đất phi nông nghiệp thuộc quyền quản lý của UBND cấp xã. Do đó, xác định diện tích 161m² đất là do Ủy ban nhân dân xã XT quản lý.

Quá trình sử dụng đất, ông N.V.Đ nhận chuyển nhượng đất từ năm 2012 với hiện trạng đã được gia đình trước đó tôn tạo, san lấp đất từ năm 1992. Năm 2014, gia đình ông N.V.Đ xây lán để kinh doanh trên đất và không cung cấp chứng cứ về thời gian xây dựng công trình trên đất.

Biên bản vi phạm hành chính ngày 08/11/2019 của UBND xã XT xác định: Tự ý chiếm đất trồng lúa, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, diện tích chiếm đất 161m² trong đó: Đất trồng lúa do UBND xã quản lý 47m²; Đất mặt nước chuyên dùng 114m². Thời điểm vi phạm 2017. Trên đất chiếm có xây dựng 61.36m² công trình. Thời điểm vi phạm năm 2018. Biên bản xác định hành vi của ông N.V.Đ vi phạm khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ - CP ngày 10/11/2014 có căn cứ phù hợp với Biên bản xác định nguồn gốc đất ngày 10/6/2019, Phiếu xác nhận nguồn gốc đất ngày 20/6/2019. Vì vậy, Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả ban hành có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội xét xử xét thấy Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật nên có giá trị pháp lý buộc các bên có liên quan phải tuân thủ và thực

hiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện SS đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ đề nghị hủy Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là có căn cứ.

[4] Xét Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông N.V.Đ, nhận thấy:

Xét về thẩm quyền, Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

Xét về trình tự ban hành, ngày 02/3/2020 UBND xã XT đã thụ lý đơn khiếu nại của ông N.V.Đ và tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại đối với người khiếu nại. Căn cứ vào kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc giải quyết đơn khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục. Về hình thức, Quyết định được lập thành văn bản theo đúng quy định.

Xét nội dung, Quyết định số 113/QĐ-UBND đã quyết định giữ nguyên Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông N.V.Đ. Như trên đã phân tích, Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền, có căn cứ pháp luật. Do đó, Quyết định số 113/QĐ-UBND nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội xét xét xử xét thấy Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ pháp luật theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Do đó, Tòa án nhân dân huyện SS đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ yêu cầu hủy Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là có cơ sở. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm áp dụng Luật khiếu nại, tố cáo là sai sót cần rút kinh nghiệm bởi Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật Tố cáo năm 2011 là hai đạo Luật riêng biệt.

[5] Xét Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, nhận thấy:

Về thẩm quyền, Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 được ban hành bởi Chủ tịch UBND xã XT đúng thẩm quyền theo quy định Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về trình tự, thủ tục và căn cứ, trường hợp ông N.V.Đ không tự nguyện thi hành biện pháp khắc phục hậu quả nên Chủ tịch UBND xã XT ban hành Quyết

định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020 về Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng theo quy định Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên Chủ tịch UBND xã XT đã ban hành tiếp các Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng quy định của pháp luật. Nhưng trên thực tế, hành vi vi phạm của ông N.V.Đ vẫn tiếp diễn, không tự nguyện thi hành Quyết định cưỡng chế nên không cần thiết phải hủy bỏ 03 quyết định mà yêu cầu Chủ tịch UBND xã XT cần rút kinh nghiệm về việc ban hành quyết định hành chính theo thẩm quyền.

Từ phân tích trên, Hội xét xử xét thấy Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ban hành có căn cứ theo quy định Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính nên có giá trị pháp lý buộc các bên có liên quan phải tuân thủ và thực hiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện SS đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là có cơ sở.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc chấm dứt hành vi ban hành quyết định trái thẩm quyền, trái pháp luật của ông N.T.B – Phó Chủ tịch UBND xã XT, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 22/1/2019 của Chủ tịch UBND huyện SS về việc giao nhiệm vụ phụ trách, điều hành UBND xã XT; Quyết định số 8673/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện SS về việc phê chuẩn kết quả bầu cử bổ sung chức danh Chủ tịch UBND xã XT nhiệm kỳ 2016-2021, ông N.T.B đã được giao phụ trách, điều hành mọi hoạt động của UBND xã XT từ ngày 22/1/2019 đến ngày 31/12/2019. Như vậy, ngay tại thời điểm ông N.V.Đ làm đơn khởi kiện (28/7/2020) thì ông N.T.B đã không còn thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã theo quy định của pháp luật nên hành vi của ông N.T.B không còn ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của người khởi kiện. Do đó, được Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện buộc chấm dứt hành vi ban hành quyết định trái thẩm quyền, trái pháp luật của ông N.T.B – Phó Chủ tịch UBND xã XT. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện trên của người khởi kiện nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như bản án đã không xem xét, giải quyết đối với nội dung trên là thiếu sót. Tuy nhiên nhận thấy thiếu sót trên không ảnh hưởng đến bản chất vụ án và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các bên đương sự nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà đề nghị cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thiếu sót nêu trên.

[7] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người khởi kiện kháng cáo không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính;

Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm 06/2021/HC-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện SS. Cụ thể:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 58, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 18, 21, 27, 28, 29 Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.V.Đ về việc yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 254/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND xã XT về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 64/QĐ-CCKPHQ ngày 02/3/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông N.V.Đ lần đầu; Quyết định số 179/QĐ-CCKPHQ ngày 05/6/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 246/QĐ-CCKPHQ ngày 24/7/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc khắc phục hậu quả; Quyết định số 379/QĐ-CCKPHQ ngày 14/12/2020 của Chủ tịch UBND xã XT về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc chấm dứt hành vi ban hành quyết định trái thẩm quyền, trái pháp luật của ông N.T.B – Phó Chủ tịch UBND xã XT.

2. Về án phí: Ông N.V.Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019042 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SS.

Hoàn trả ông N.V.Đ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0004088 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SS.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

1. Các đương sự;
2. VKSND TP H;
3. TAND huyện SS;
4. VKSND huyện SS;
5. Chi cục THA huyện SS;
6. Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thanh Thảo